

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tích cực. Số lượng đô thị gia tăng, không gian đô thị được mở rộng; chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với các tỉnh thuộc Vùng duyên hải miền Trung và cả nước; một số chỉ tiêu về nâng loại đô thị chưa đạt; kết cấu, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số và kinh tế khu vực đô thị; chưa thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng phó với dịch bệnh quy mô lớn; ô nhiễm môi trường tại các đô thị vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây ra nhiều tác động tiêu cực; khả năng tiếp cận dịch vụ công và phúc lợi xã hội của người nghèo và lao động di cư tại đô thị còn thấp và nhiều bất cập; năng lực quản lý và quản trị đô thị còn yếu, chậm được đổi mới...

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Nhận thức về đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững chưa đầy đủ và chưa được quan tâm đúng mức. Công tác quy hoạch đô thị chậm đổi mới, thiếu tầm nhìn, chất lượng thấp; việc triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế, việc điều chỉnh quy hoạch còn tùy tiện; quản lý đô thị chưa chuyên nghiệp, nhiều nơi còn lỏng lẻo, tiêu cực. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức quản lý đô thị còn yếu. Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý sai phạm, tiêu cực chưa kịp thời và nghiêm minh; giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội chưa phát huy hiệu quả; chưa phát huy và khai thác tốt các nguồn lực của chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị,...

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 06), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong xây dựng và thực hiện chính sách về quy hoạch, quản lý và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để triển khai thực hiện Nghị quyết 06 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong thực hiện Nghị quyết 06.

2. Yêu cầu

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết 06.

- Cụ thể hóa thành các kế hoạch, đề án, chương trình để thực hiện đầy đủ, toàn diện và đồng bộ các nội dung của Nghị quyết 06; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối khu vực. Xây dựng và cơ bản hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy, đặc biệt là các giá trị kiến trúc truyền thống.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ đô thị hoá toàn tỉnh đến năm 2025 đạt tối thiểu 35,6%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên của các đô thị đạt khoảng 12,5% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 16,5%⁽¹⁾.

- Số lượng đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 16⁽²⁾ đô thị, đến năm 2030 khoảng 18⁽³⁾ đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy

⁽¹⁾ Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên của các đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2021 đạt 5,63%, theo Quy hoạch chung các đô thị đến năm 2030 đạt khoảng 12,76%, 2035 đạt khoảng 16,39%.

⁽²⁾ TP Quảng Ngãi, Bình Sơn, Đức Phổ, Di Lăng, Lý Sơn, Mộ Đức, Thạch Trụ, Ba Tơ, Sơn Tây, Trà Xuân, Sơn Tịnh, Tịnh Phong, Minh Long, La Hà, Sông Vệ, Chợ Chùa.

⁽³⁾ TP Quảng Ngãi, Bình Sơn, Đức Phổ, Di Lăng, Ba Tơ, Ba Vì, Mộ Đức, Thạch Trụ, Nam Sông Vệ, Minh Long, Chợ Chùa, Sơn Tịnh, Tịnh Phong, Sơn Tây, Trà Xuân, La Hà, Sông Vệ, Lý Sơn.

hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị. Phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển, đến năm 2025 hoàn chỉnh đô thị loại II và phân đầu đạt một số tiêu chí chính về cơ sở hạ tầng của đô thị loại I, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị; phân đầu đến năm 2030 cơ bản đạt chuẩn đô thị loại I. Phân đầu đến năm 2025: thị xã Đức Phổ đạt chuẩn đô thị loại IV và đạt một số tiêu chí đô thị loại III; xây dựng và mở rộng thị trấn Di Lăng thành trung tâm phát triển vùng phía Tây của tỉnh và đạt một số tiêu chí cơ bản đô thị loại IV; phát triển huyện Bình Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV và tiến đến thành lập thị xã.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị bình quân trong toàn tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 20%, đến năm 2030 đạt khoảng 22%⁽⁴⁾; trong đó, diện tích đất giao thông tại mỗi đô thị phải đảm bảo phù hợp với loại đô thị theo quy định. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 9,1m² vào năm 2025, khoảng 9,7m² vào năm 2030⁽⁵⁾. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 35m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 37m² ⁽⁶⁾.

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80% ⁽⁷⁾.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP của tỉnh khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030 ⁽⁸⁾.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá tỉnh Quảng Ngãi thuộc nhóm trung bình cao của khu vực miền Trung ⁽⁹⁾. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 3 đô thị ⁽¹⁰⁾ đạt tầm cỡ quốc gia hoặc khu vực miền Trung - Tây Nguyên, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, định hướng về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 06 của Bộ Chính trị; trong đó chú trọng thực hiện một số nội dung sau:

⁽⁴⁾ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2021 đạt khoảng 18,15%.

⁽⁵⁾ Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị năm 2021 đạt khoảng 8,9m².

⁽⁶⁾ Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị năm 2021 đạt khoảng 30,39m².

⁽⁷⁾ Lấy theo mức bình quân của cả nước trong Nghị quyết 06.

⁽⁸⁾ Lấy theo mức bình quân của cả nước trong Nghị quyết 06, đến cuối năm 2025 đô thị Bình Sơn trở thành thị xã thì chỉ tiêu này có tính khả thi cao.

⁽⁹⁾ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 toàn quốc: 40,4%, khu vực miền Trung (Thừa Thiên - Huế: 54%, Đà Nẵng: 84%, Quảng Nam: 34%, Bình Định: 43%, Quảng Ngãi: 24%).

⁽¹⁰⁾ 03 đô thị: Thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Lý Sơn.

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững

- Thực hiện chuẩn hoá các số liệu chỉ tiêu, chỉ số về đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững trên phạm vi toàn tỉnh, phù hợp với quy định chung của Trung ương; nâng cao hiệu quả phòng, chống thiên tai, cháy, nổ, sự cố môi trường, dịch bệnh, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng đô thị. Rà soát việc đánh giá phân loại đô thị, bảo đảm phù hợp với quy định mới và tương thích, đồng bộ với quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và lựa chọn mô hình phát triển đô thị bền vững, phù hợp cho từng vùng, miền, tại những địa bàn vùng đồi núi, vùng có tính trọng yếu về quốc phòng, an ninh, các đô thị có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hoá, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ. Không xem xét nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí.

- Nghiên cứu cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với tình hình của tỉnh trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như: Bảo vệ nguồn nước, kết nối hạ tầng, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai, vận tải công cộng, hạ tầng số và logistic...

- Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước tương xứng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở. Rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội; có cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành và phát triển các quỹ cho phát triển nhà ở và bất động sản, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người thu nhập thấp, thu nhập trung bình, cải tạo, chỉnh trang đô thị, xoá bỏ nhà tạm, khu ở phi chính thức tại các đô thị. Đẩy nhanh cải tạo, xây dựng lại các chung cư nhà ở tập thể cũ, công trình hết niên hạn sử dụng trong đô thị.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

Tổ chức thực hiện tốt đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm nền tảng và tạo sự đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, bao trùm tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; gắn quy hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện. Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn tỉnh về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, nhất là quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng

không gian nội, không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm phân loại đất đô thị gắn với quy hoạch đô thị và mục đích sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt và quy hoạch hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

- Hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị.

- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân trong tham gia phản biện việc lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch đô thị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tiếp cận thông tin trong quy hoạch đô thị.

3. Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh bền vững và đồng bộ về mạng lưới

- Tập trung xây dựng các đô thị ven biển, ven sông trên cơ sở xác định rõ vai trò, chức năng của từng đô thị, nhất là các đô thị động lực của tỉnh, đô thị kết nối khu vực. Xác định phát triển đô thị là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh. Phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển; đầu tư hạ tầng phát triển cảnh quan đô thị dọc 2 bên sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi và hạ tầng ven biển để kêu gọi nhà đầu tư đầu tư các khu đô thị, khu du lịch, dịch vụ, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại. Phát triển chuỗi đô thị biển, đô thị đảo Lý Sơn gắn với thực hiện Chiến lược kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm kết cấu hạ tầng giao thông và cung cấp nước ngọt; kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc lấn biển để phát triển đô thị. Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị ven biển.

- Điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị; thực hiện các chính sách giảm tải cho đô thị trung tâm, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những khu vực có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

- Rà soát và triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các chương trình phát triển đô thị. Phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

4. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Quản lý chặt chẽ, đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công trình phức hợp, nhà ở cao tầng tại đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi. Triển khai thực hiện các chính sách về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở, trong đó có chỉ tiêu bắt buộc phát triển nhà ở xã hội vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh; đảm bảo bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đến năm 2030. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 24/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 (khóa XX) về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho sự phát triển. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ phù hợp, đường thủy bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư các bến, bãi đỗ xe tại các đô thị; triển khai các giải pháp về an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông ngay từ khi tổ chức thực hiện các quy hoạch. Nghiên cứu quy hoạch, khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Xây dựng kế hoạch ngầm hoá toàn bộ các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại đô thị, nhất là khu vực trung tâm và các khu vực quy hoạch phát triển mới. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị; phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường tại đô thị.

- Xây dựng, thúc đẩy đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ tại các đô thị tương đương với các đô thị trên toàn quốc; tích hợp hệ thống đo lường, cảm biến, các hệ thống dữ liệu, khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu tại đô thị; thúc đẩy mô hình quản lý thông minh trong vận hành, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Cấu trúc lại hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; hình thành một số nền tảng số dùng chung cho các đô thị.

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại tại đô thị và mạng lưới cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội. Thực hiện lồng ghép các mục

tiêu và định hướng phát triển hệ thống công trình dịch vụ hạ tầng xã hội và nguồn lực thực hiện vào quá trình lập và phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp lớn. Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp dịch vụ đô thị. Đa dạng hoá các mô hình cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội; thực hiện tích hợp hệ thống hạ tầng xã hội với các đầu mối giao thông tiện ích tại các đô thị.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị

- Thực hiện phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh.

- Xây dựng văn hóa và lối sống đô thị văn minh. Hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ của người dân, chú trọng tạo dựng nhiều không gian văn hóa công cộng. Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030. Bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân; xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp cùng đầu tư.

- Bảo đảm quyền tự do cư trú của người dân và xóa bỏ mọi rào cản đối với dịch chuyển lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị. Mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội tới lao động di cư. Rà soát, hoàn thiện chính sách về hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Thúc đẩy bình đẳng giới, có chính sách quan tâm tạo việc làm cho nữ giới tại đô thị.

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe. Bảo đảm nguồn lực phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh của tỉnh bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các đô thị.

- Xây dựng và hoàn thiện các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu nhanh ô nhiễm bụi, tiếng ồn; từng bước triển khai và xây dựng

đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị; chú trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị; cải thiện căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu nhà ở của người thu nhập thấp trong các đô thị; phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp xanh phục vụ đô thị. Chủ động nghiên cứu tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và cả nước.

- Phát triển cây xanh trong lõi đô thị và vùng đệm xanh xung quanh đô thị cao hơn quy định từ 10 - 15%. Riêng thành phố Quảng Ngãi trồng cây gỗ lớn toàn bộ vùng đệm, chân, sườn, đỉnh: núi Long Đầu, núi Sứa, núi Thiên Ân, núi Thiên Bút cao hơn quy định từ 20 - 30%, bảo đảm 30 – 50 năm sau các điểm nêu trên trở thành rừng trồng giữa lòng thành phố Quảng Ngãi.

6. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Thực hiện việc di dời có trật tự các cơ sở sản xuất chế biến, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm các đô thị; quy hoạch lại hệ thống bệnh viện, trường đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu, trung tâm logistic, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, mạng lưới chợ dân sinh.

- Phát triển kinh tế gắn với chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp nông thôn và phát triển dịch vụ xã hội tại các đô thị. Khuyến khích phát triển các thị tứ, thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyên giao công nghệ... Khuyến khích hình thành các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị tại các địa phương ven biển, mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các đô thị; các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đô thị. Khuyến khích các đô thị hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản, kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hoặc kế hoạch hành động để thực hiện Nghị quyết 06 và Chương trình hành động này phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo thể chế hóa, ban hành các cơ chế chính sách có liên quan để thực hiện các nội dung đã xác định trong Chương trình này; có chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa, ban hành các kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách để thực hiện; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nội dung Nghị quyết 06 và Chương trình hành động này.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện Chương trình hành động; tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, giám sát việc thực hiện; kịp thời báo cáo những vấn đề cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các vụ địa phương thuộc các ban đảng TW,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP; P. Tổng hợp,
- Lưu VP Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Đặng Ngọc Huy